

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2025/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại
do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và
Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính
phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung
một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của*

Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro thiên tai trên biển;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 263/TTr-SNN ngày 22 tháng 01 năm 2025; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2350/BC-STP-KTrVB ngày 18 tháng 5 năm 2023, Công văn số 6825/STP-KTrVB ngày 30 tháng 11 năm 2023, Công văn số 3601/STP-KTrVB ngày 12 tháng 6 năm 2024, Công văn số 50/STP-KTrVB ngày 03 tháng 01 năm 2025 và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khác

phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2025 và thay thế Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn, áp dụng trong Quy định này, nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong Quy định này vẫn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp có thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức bộ máy sau sắp xếp, sáp nhập theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định các mức hỗ trợ về chính sách trợ giúp cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa đá, sương mù, mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất (sạt lở bờ sông, bờ biển), sụt lún đất, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, cháy rừng do tự nhiên, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Riêng chính sách hỗ trợ khắc phục thiệt hại về tàu cá, ngư cụ áp dụng cho các tổ chức, cá nhân cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh bị thiệt hại do thiên tai gây ra. Đối với tàu cá đã có mua bảo hiểm thì được bồi thường theo quy định của hợp đồng bảo hiểm.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra; hỗ trợ tổ chức, cá nhân có tàu cá, ngư cụ bị thiệt hại do thiên tai gây ra và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Nhà nước hỗ trợ và chia sẻ cùng người dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.
2. Hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật để nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống.
3. Công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, định mức.
4. Đối với các tàu hậu cần, tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước về khai thác thủy sản, không khai thác thủy sản bằng các loại nghề cấm theo quy định của pháp luật; chấp hành đúng các quy định về an toàn tàu cá và có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật (giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn thời hạn, giấy phép khai thác thủy sản còn thời hạn, sổ danh bạ thuyền viên).

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH VÀ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điều 3. Hỗ trợ chi phí mai táng, điều trị người bị thương nặng

1. Hộ gia đình có người chết, mất tích được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị thương nặng tại nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện nơi cấp cứu, chữa trị cho đối tượng quyết định hỗ trợ theo mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ

giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xem xét, quyết định.

3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng theo mức 600.000 đồng/tháng được quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 43/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai gây ra được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối thiểu 20.000.000 đồng/hộ.

Điều 5. Hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu

1. Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai.

2. Hỗ trợ nhu yếu phẩm thiết yếu:

Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai mà mất nhà ở và không có khả năng tự bảo đảm các nhu cầu thiết yếu thì được xem xét hỗ trợ: lều bạt, nước uống, thực phẩm, chăn màn, xoong nồi, chất đốt, xuống máy và một số mặt hàng thiết yếu khác phục vụ nhu cầu trước mắt, tại chỗ.

Điều 6. Hỗ trợ khắc phục thiệt hại về tàu cá, ngư cụ

1. Đối với vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu:

a) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc

phục được phải thay mới để tái sản xuất:

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 200.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 400.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

b) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên, nhưng chưa đến mức thiệt hại toàn bộ, buộc phải thay thế, sửa chữa để tái sản xuất, phần hỗ trợ này được tính chung cho cả chi phí trực vớt phương tiện (thân tàu, máy tàu):

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Các hộ gia đình, cá nhân có tàu bị thiệt hại do thiên tai gây ra sẽ được xem xét hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất căn cứ vào giá trị phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu với công suất, thiết kế (kích thước, tải trọng), xuất xứ (nơi sản xuất, nhãn hiệu) được ghi trên giấy xác nhận (hoặc giấy chứng nhận) đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại. Trường hợp phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ không thuộc danh mục Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm xác định mức giá trị của vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ tương đương, phù hợp với thực tế trên giấy xác nhận đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại.

2. Đối với thiệt hại ngư lưới cụ bị mất toàn bộ hoặc hư hỏng nặng, không thể khắc phục: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của ngư lưới cụ mua mới được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế, thay thế số ngư lưới cụ bị mất hoặc hư hỏng. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tàu cá, ngư lưới cụ.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra theo quy định tại Chương II Quy định này bao gồm:

1. Đối với thành phố Thủ Đức và 05 huyện: sử dụng nguồn dự phòng ngân sách theo quy định. Đối với 16 quận: sử dụng nguồn kinh phí điều hành phát triển kinh tế xã hội đã được bố trí dự toán.

2. Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố và nguồn Quỹ Phòng, chống thiên

tai được giữ lại của thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, phường, xã, thị trấn (đảm bảo nội dung chi theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai).

3. Đóng góp, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

Trường hợp ngân sách địa phương có khó khăn, không đủ kinh phí thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để được xem xét, giải quyết.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, các sở, ban, ngành có liên quan thống kê, tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố và địa phương có cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai gây ra kiểm tra, rà soát và tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hỗ trợ đối với tàu cá, ngư cụ bị thiệt hại, di dời nhà ở khẩn cấp do thiên tai gây ra.

Điều 9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương kiểm tra, rà soát và tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hỗ trợ đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên tai được quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp hỗ trợ xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này.

Điều 10. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.

Điều 11. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

1. Thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ theo từng địa bàn phường, xã, thị trấn đảm bảo kịp thời, đúng chính sách và mức hỗ trợ theo quy định, cụ thể:

a) Tổ chức kiểm tra, thẩm định, quyết định hỗ trợ sau thiên tai:

Đối với Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn: thành lập Hội đồng kiểm tra, đánh giá, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ thiệt hại gồm thành phần cơ bản của địa phương như sau: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ phụ trách công tác phòng chống thiên tai, Trưởng ấp, khu phố.

Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện: trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức thẩm định và quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Tùy thực tế tình hình ảnh hưởng của thiên tai đến ngành, lĩnh vực nào, các địa phương bổ sung thành viên Hội đồng phụ trách ngành, lĩnh vực đó nhằm giúp cho việc đánh giá, thẩm định thiệt hại, áp dụng chế độ, chính sách hỗ trợ, cứu trợ chính xác, đúng quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm về các số liệu thiệt hại, mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra tại địa phương mình quản lý.

b) Tổng hợp, kiểm kê, đánh giá, định giá thiệt hại thực hiện theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra. Trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ

xã hội.

Đối với nhà ở của người dân bị thiệt hại phải thống kê rõ họ tên chủ hộ, địa chỉ, nhân khẩu, kết cấu nhà; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như nhà đổ, sập hoàn toàn, nhà hư hỏng nặng không ở được; đồng thời xác định nguồn gốc pháp lý rõ ràng của nhà ở bị thiệt hại.

Đối với tàu cá bị chìm, hư hỏng phải thống kê rõ chủ phương tiện, số hiệu, kích thước, tải trọng, công suất máy, ngư lưới cụ, vị trí khu vực bị chìm; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như bị mất, chìm, hư hỏng nặng, hư hỏng một phần cụ thể theo tỷ lệ % thiệt hại.

c) Thời gian tổ chức đánh giá, thẩm định thiệt hại, tổng hợp, báo cáo và đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi thiên tai kết thúc. Đối với thiên tai xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn thì thời gian được kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà ở, tàu cá, ngư cụ để khôi phục đời sống, sinh hoạt, sản xuất đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn phối hợp với các phòng, ban, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thực hiện công khai chính sách hỗ trợ của nhà nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các ấp, khu phố theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ Phòng, chống thiên tai trích lại cho địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai; kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ kinh phí nếu nguồn dự phòng ngân sách của địa phương không đảm bảo.

5. Kết thúc đợt thiên tai, các địa phương tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Tài chính kết quả thực hiện hỗ trợ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 12. Tổng hợp khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở,

ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ